

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Báo cáo Tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012



Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

98/UBCK – GP
10/GPDC-UBCK

ngày 18 tháng 9 năm 2008
ngày 27 tháng 1 năm 2011

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch
(từ ngày 15 tháng 6 năm 2012)

Ông Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch
(đến ngày 15 tháng 6 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Kiên

Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 2, tòa nhà ARTEXPORT HOUSE
2A Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam





KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính giữa niên độ”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 9 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - *Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

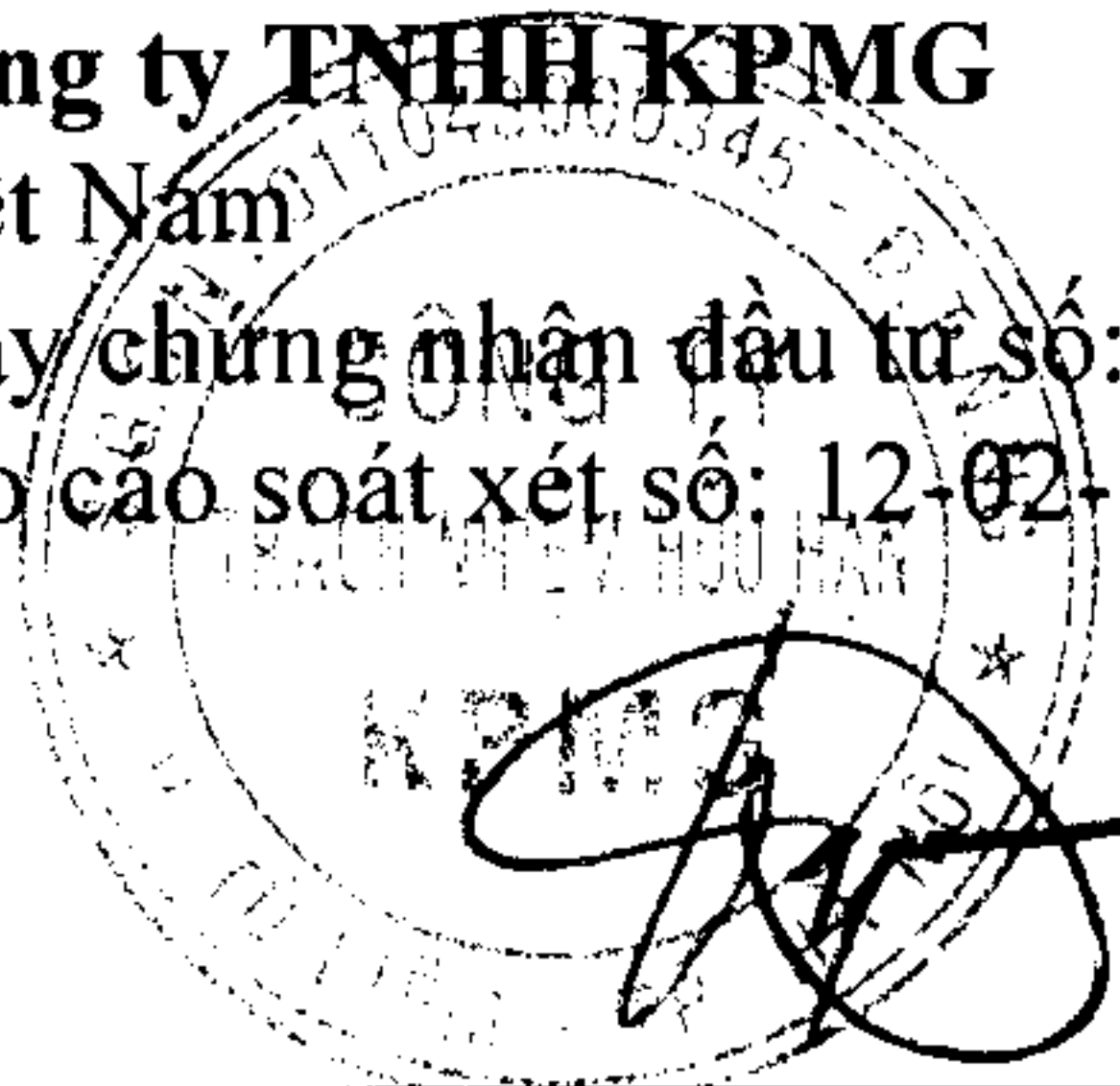
Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 không được kiểm toán và soát xét bởi chúng tôi, và do đó, chúng tôi sẽ không đưa ra kết luận hay bất kỳ hình thức bảo đảm nào đó với các số liệu này.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345
Báo cáo soát xét số: 12-02-138



Wang Toon Kim
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0557/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 06-09-2012

Trần Anh Quân
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0306/KTV

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		592.571.902	322.540.260
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	361.441.667	119.884.370
Tiền	111		102.941.667	34.884.370
Các khoản tương đương tiền	112		258.500.000	85.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	101.530.004	76.218.076
Đầu tư ngắn hạn	121		118.561.224	118.561.224
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(17.031.220)	(42.343.148)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.234.717	126.009.386
Phải thu của khách hàng	131		4.000	9.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	11.806	99.054
Các khoản phải thu khác	138	7	129.218.911	125.901.332
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		365.514	428.428
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		317.746	185.826
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	176.836
Tài sản ngắn hạn khác	158		47.768	65.766
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.927.784	3.329.436
II. Tài sản cố định	220		2.064.267	2.396.889
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.271.020	1.466.612
<i>Nguyên giá</i>	222		2.282.317	2.265.453
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.011.297)	(798.841)
Tài sản cố định vô hình	227	9	793.247	930.277
<i>Nguyên giá</i>	228		1.340.860	1.340.860
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(547.613)	(410.583)
V. Tài sản dài hạn khác	260		863.517	932.547
Chi phí trả trước dài hạn	261		215.515	284.545
Tiền gửi dài hạn	262		508.789	508.789
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	10	139.213	139.213
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		595.499.686	325.869.696

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		190.295.097	1.388.413
I. Nợ ngắn hạn	310		190.295.097	1.388.413
Phải trả người bán	312		1.348	1.348
Người mua trả tiền trước	313		837.262	666.117
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	29.374.235	288.292
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	12	158.186.789	395.950
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	1.895.463	36.706
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		405.204.589	324.481.283
I. Vốn chủ sở hữu	410		405.204.589	324.481.283
Vốn điều lệ	411	14	300.000.000	300.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	417		2.592.568	2.592.569
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.592.568	2.592.569
Lợi nhuận chưa phân phối	420		100.019.453	19.296.145
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		595.499.686	325.869.696

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
6. Chứng khoán lưu ký	006	7.916.290	11.361.960
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	7.908.790	5.342.310
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	7.908.790	5.342.310
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	7.500	19.650
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	7.500	19.650
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	6.000.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	-	6.000.000

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

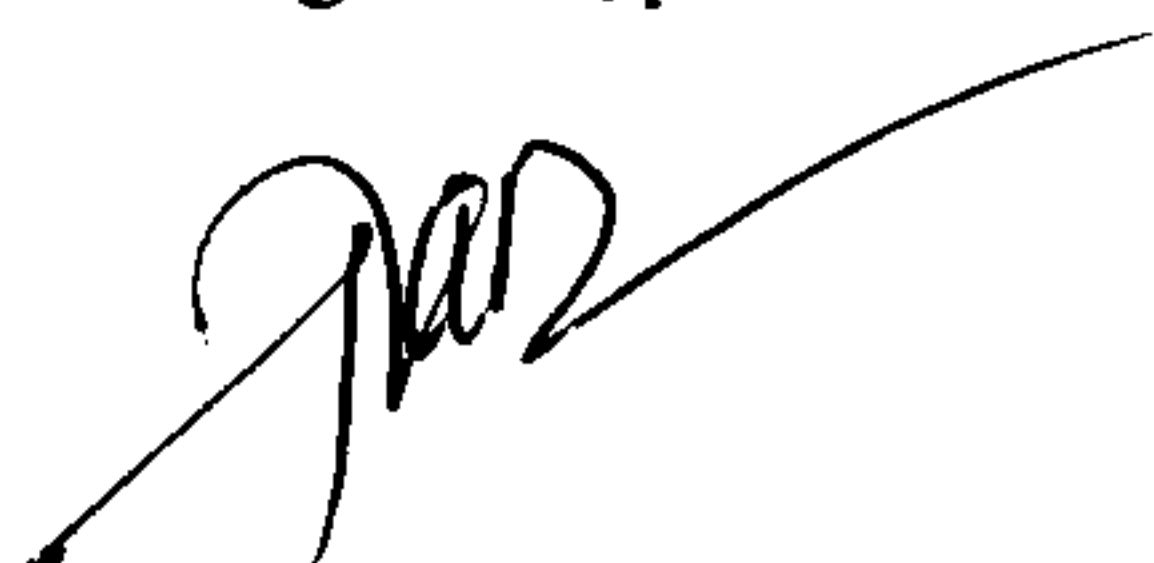
05 -09- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

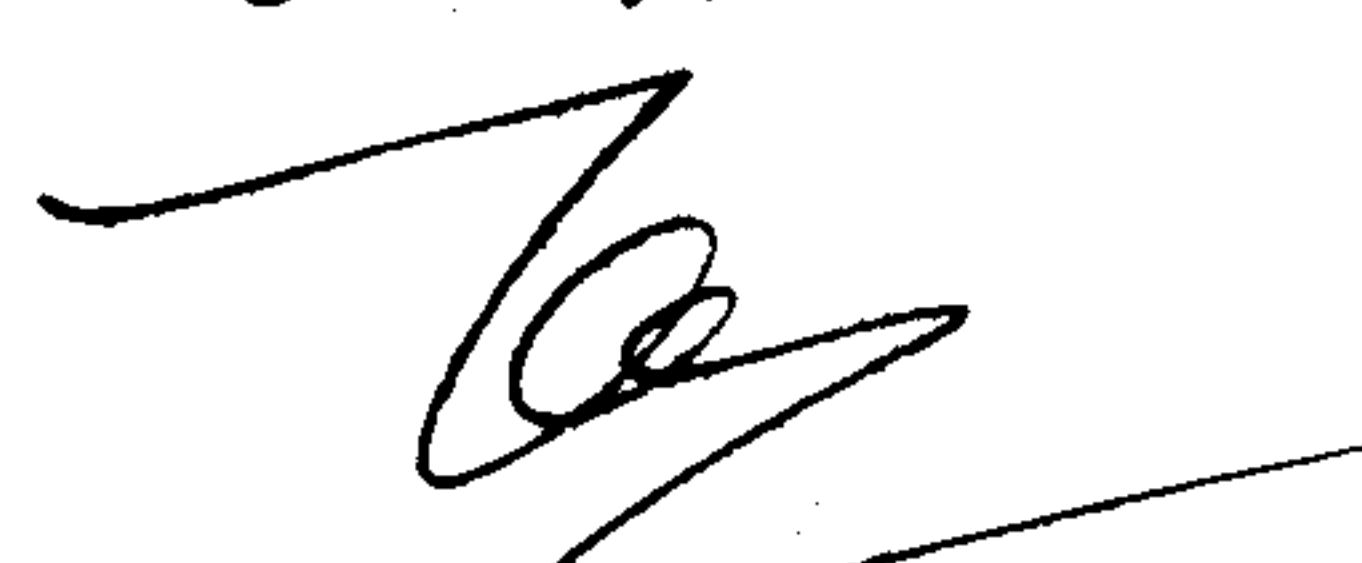
	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
Doanh thu	01			
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		113.312	269.705
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01.2	15	4.218.904	4.223.887
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	137.000
Doanh thu dịch vụ tư vấn	01.5	16	78.227.621	7.258.742
Doanh thu khác	01.9	17	19.406.936	10.967.738
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		101.966.773	22.857.072
Thu nhập/(chi phí) hoạt động kinh doanh	11	18	7.420.840	(23.361.709)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		109.387.613	(504.637)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	(3.162.841)	(2.889.123)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		106.224.772	(3.393.760)
Thu nhập khác	31		-	977.616
Thu nhập thuần khác	40		-	977.616
Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế TNDN	50		106.224.772	(2.416.144)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	25.501.467	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	60		80.723.305	(2.416.144)

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

05 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

	Vốn góp	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	300.000.000	2.592.569	2.592.569	19.296.145	324.481.283
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	80.723.306	80.723.306
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	300.000.000	2.592.569	2.592.569	100.019.451	405.204.589

	Vốn góp	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối / (Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	300.000.000	1.520.560	1.520.560	18.353.245	321.394.365
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(2.416.144)	(2.416.144)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(18.353.245)	(18.353.245)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	300.000.000	1.520.560	1.520.560	(2.416.144)	300.624.976

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

05 -09- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012


	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	106.224.772	(2.416.144)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	349.486	340.082
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng	03	(25.311.928)	22.442.451
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	05	(8.618.008)	(14.842.331)
Chi phí lãi	06	2.028.407	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	74.672.729	5.524.058
Biến động các khoản phải thu và tài sản lưu động khác	09	914.949	1.065.186
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	165.285.384	(5.420.321)
Biến động các khoản chi phí trả trước	12	(131.920)	(292.071)
Tiền lãi đã trả	13	(203.222)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3,705,351)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	236.832.569	876.852
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(16.864)	(27.565)
Tiền chi mua trái phiếu	23	(335.462.222)	-
Tiền nhận từ bán trái phiếu	24	320.462.222	-
Tiền nhận từ bán cổ phiếu	26	-	35.246.492
Cổ tức và lãi đã nhận được	27	19.741.592	23.183.244
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	4.724.728	58.402.171

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Phân phối lợi nhuận	36	-	(18.353.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	-	(18.353.245)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	241.557.297	40.925.778
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	119.884.370	156.418.485
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 3)	70	361.441.667	197.344.263

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

05 - 89 - 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tự doanh chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 Công ty có 17 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 15 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này đồng nhất với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(d) Trình bày các công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về việc trình bày và thuyết minh thông tin về các công cụ tài chính (“Thông tư 210”)

Công ty phân loại công cụ tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu là tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu phù hợp với bản chất và định nghĩa của các công cụ tài chính tại Thông tư 210 như sau:

(i) Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính Công ty dự định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại vào nhóm tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và phải thu;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính được phân loại thành một trong các loại sau:

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(e) *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(f) Chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư ngắn hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán kinh doanh và các chứng khoán đầu tư ngắn hạn tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân 15 phút giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán đầu tư chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá niêm yết từ ba công ty chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư ngắn hạn như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư ngắn hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(g) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty cung cấp tiền cho các bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư vào các chứng khoán theo các điều khoản trong hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản được mua theo các hợp đồng ủy thác đầu tư được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo các chính sách kế toán về ghi nhận, phân loại và đánh giá đối với các tài sản của Công ty được trình bày trong Thuyết minh 2(f).

(h) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu-khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ tài chính ban hành như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Chứng khoán mua theo các hợp đồng để bán lại (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán cho cùng một đối tượng) không được báo cáo là các khoản mua chứng khoán mà là các khoản phải thu và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo nguyên giá được phân bổ. Tiền lãi thu từ các hợp đồng này được ghi nhận vào thu nhập tiền lãi dựa theo kỳ hạn của mỗi hợp đồng trên cơ sở dồn tích.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Thiết bị văn phòng 4-5 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(l) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng theo mục đích tính thuế (của các khoản mục tài sản và nợ phải trả). Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(o) Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân bổ lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự trữ này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được quy định trích vào thời điểm cuối năm và không được phân phối.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(ii) Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán đối với các chứng khoán đã niêm yết và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất đối với các chứng khoán chưa niêm yết.

(iii) Doanh thu dịch vụ tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện

(iv) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(v) Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(q) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(s) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000
Tiền mặt tại quỹ	30.116	23.259
Tiền gửi ngân hàng	102.911.551	34.861.111
Các khoản tương đương tiền (i)	258.500.000	85.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	361.441.667	119.884.370
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty</i>	<i>203.254.878</i>	<i>119.488.420</i>
<i>Tiền của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán</i>	<i>158.186.789</i>	<i>395.950</i>
<i>(Thuyết minh số 12)</i>		
	361.441.667	119.884.370

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 có gốc tiền tệ bằng VND.

- (i) Các khoản tương đương tiền này là tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

4. Khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012		Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện VND'000	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện VND'000
Của nhà đầu tư/ khách hàng				
Cổ phiếu	4.447.820	56.655.825	7.980.320	186.315.608

(Chưa soát xét)

5. Đầu tư ngắn hạn

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Chứng khoán kinh doanh	118.561.224	118.561.224
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(17.031.220)	(42.343.148)
	101.530.004	76.218.076

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn do Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 1 tháng 1 năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá gốc		So với giá thị trường (Giảm)		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ Cổ phiếu	Đầu kỳ Cổ phiếu	Cuối kỳ VND'000	Đầu kỳ VND'000	Cuối kỳ VND'000	Đầu kỳ VND'000	Cuối kỳ VND'000	Đầu kỳ VND'000
Chứng khoán thương mại	4.712.598	4.576.398	118.561.224	118.561.224	-	(17.031.220)	105.763.414	76.218.076
Do Công ty nắm giữ	674.663	658.163	16.717.832	16.717.832	-	(2.758.052)	14.660.345	10.957.643
Do Công ty Quản lý quỹ Techcom nắm giữ theo hợp đồng ủy thác đầu tư	4.037.935	3.918.235	101.843.392	101.843.392	-	(14.273.168)	91.103.069	65.260.433
Chứng khoán niêm yết								

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Năm kết thúc 31/12/2011 VND'000
Số dư đầu kỳ	(42.343.148)	(22.302.173)
Tăng dự phòng trong kỳ	(7)	(36.083.802)
Sử dụng quỹ dự phòng	-	16.042.827
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	25.311.935	-
Số dư cuối kỳ	(17.031.220)	(42.343.148)

6. Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Ứng trước cho nhà đầu tư (i)	11.360	98.491
Phải thu khác	446	563
	11.806	99.054

- (i) Đây là khoản ứng trước cho những khách hàng đã bán chứng khoán và muốn nhận tiền trước thay vì ngày T+3.

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Phải thu tiền lãi	3.737.734	2.599.047
Phải thu từ hợp đồng mua và bán lại chứng khoán (i)	118.829.278	119.348.889
Phải thu khác (ii)	6.651.899	3.953.396
	129.218.911	125.901.332

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

- (i) Tại thời điểm 30/06/2012, đây là các khoản phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán với các cá nhân, chứng khoán được giao dịch là các cổ phiếu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam phát hành. Các hợp đồng này có thời hạn 84 ngày và lãi suất 11% một năm.

Số dư khoản phải thu này bao gồm số tiền gốc (118.000 triệu đồng) và lãi phải thu (829 triệu đồng) của các hợp đồng này tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012.

- (ii) Phải thu khác chủ yếu là các khoản phải thu từ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương theo các hợp đồng ủy thác đầu tư.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	2.265.453
Tăng trong kỳ	16.864
Số dư cuối kỳ	2.282.317
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	798.841
Khấu hao trong kỳ	212.456
Số dư cuối kỳ	1.011.297
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.466.612
Số dư cuối kỳ	1.271.020

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	1.340.860
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	410.583
Hao mòn trong kỳ	137.030
Số dư cuối kỳ	547.613
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	930.277
Số dư cuối kỳ	793.247

10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo các Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Năm kết thúc 31/12/2011 VND'000
Số dư đầu kỳ/năm	139.213	124.442
Tăng trong kỳ/năm	-	14.771
Số dư cuối kỳ/năm	139.213	139.213

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	7.528.021	233.298
Thuế thu nhập cá nhân	50.098	54.994
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.796.116	-
	29.374.235	288.292

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (i)	186.789	395.950
Tiền gửi của khách hàng (ii)	158.000.000	-
	158.186.789	395.950

(iii) Đây là khoản tiền gửi tại tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại Công ty

(iv) Đây là khoản tiền gửi theo hợp đồng môi giới chứng khoán giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, theo đó, Công ty nhận tiền từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam để mua trái phiếu theo yêu cầu của Ngân hàng. Các hợp đồng này có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng. Nếu Công ty không thể mua trái phiếu theo yêu cầu, Công ty phải trả lãi cho Ngân hàng với mức lãi suất từ 10,8%- 11,95% trên số tiền gốc tại ngày đáo hạn.

13. Phải trả khác

	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Phí quản lý phải trả (i)	43.956	36.706
Phải trả từ hợp đồng môi giới (ii)	1.825.185	-
Phải trả khác	26.322	-
	1.895.463	36.706

(i) Đây là khoản phí quản lý danh mục phải trả cho Công ty Quản lý quỹ Kỹ Thương theo Hợp đồng ủy thác đầu tư (xem Thuyết minh 2 (g)), được tính bằng 0,2%- 0,5% giá trị tài sản thuần của danh mục.

(ii) Đây là khoản lãi phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam ("Techcombank") theo Hợp đồng môi giới, theo đó, Công ty nhận tiền từ Techcombank để mua trái phiếu theo yêu cầu của Techcombank. Công ty phải trả lãi cho Techcombank với lãi suất 10,8%- 11,95% trên số tiền gốc vào ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

14. Vốn góp

Vốn góp pháp lý được duyệt và đã góp của Công ty là 300 tỷ VND.

Công ty thuộc sở hữu 100% của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

15. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2012 to 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2011 to 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
Doanh thu kinh doanh chứng khoán	-	2.403.172
Cổ tức được nhận	4.218.904	1.820.715
	4.218.904	4.223.887

16. Doanh thu dịch vụ tư vấn

	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2012 to 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2011 to 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn tài chính	3.227.621	7.258.742
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn khác (i)	75.000.000	-
	78.227.621	7.258.742

- (i) Đây là khoản phí tư vấn Công ty nhận được theo Hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu, được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch. Các hợp đồng này đã được hoàn thành trong kỳ, và Công ty đã nhận được toàn bộ số phí phát sinh (mức phí bằng 1,5% giá trị gốc của 5.000 tỷ VND trái phiếu được phát hành).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

17. Doanh thu khác

	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2012 to 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2011 to 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	7.451.401	10.618.444
Thu nhập lãi từ hợp đồng và bán lại chứng khoán	11.252.612	-
Doanh thu khác	702.923	349.294
	19.406.936	10.967.738

18. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2012 to 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2011 to 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
Lỗ kinh doanh chứng khoán	15.000.000	-
Chi phí lãi	2.028.407	-
Chi phí tư vấn	-	76.870
Chi phí quản lý hợp đồng ủy thác đầu tư	234.725	304.954
(Hoàn nhập)/ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(25.311.928)	22.442.452
Chi phí khác	627.956	537.433
	(7.420.840)	23.361.709

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2012 to 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn 6 tháng từ 1/1/2011 to 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
Chi phí lương	1.544.412	1.422.052
Chi phí dịch vụ ngoài	1.291.899	1.166.143
Chi phí nguyên liệu, công cụ, dụng cụ	77.211	97.876
Chi phí khấu hao và phân bổ	212.456	203.052
Chi phí khác	36.863	-
	3.162.841	2.889.123

20. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	25.501.467	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	106.224.772	(2.416.143)
Thuế theo thuế suất của Công ty	26.556.193	(604.036)
Thu nhập không chịu thuế	(1.054.726)	(455.179)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận	-	1.059.215
	25.501.467	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND'000 (Chưa soát xét)	30/6/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam				
Tiền gửi thanh toán	68.453.567	17.835.604	101.937.708	33.484.141
Tiền gửi kỳ hạn	15.500.000	32.000.000	100.500.000	85.000.000
Lãi phải thu từ tiền gửi	-	-	1.887.887	2.599.047
Thu nhập lãi từ tiền gửi	5.394.887	10.618.444	-	-
Lợi nhuận phân phối sang Ngân hàng mẹ	-	18.353.246	-	-
Tiền trả mua trái phiếu	335.462.222	-	-	-
Tiền gửi hợp đồng môi giới phải trả	158.000.000	-	158.000.000	-
Chi phí lãi tiền gửi hợp đồng môi giới	2.028.407	-	-	-
Lãi phải trả tiền gửi hợp đồng môi giới	-	-	1.825.185	-
Công ty Quản lý Quỹ Kỹ Thương				
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	101.843.392	101.843.392
Phải thu khác	-	-	6.620.734	3.953.396
Phí quản lý quỹ	234.724	304.954	-	-
Thu nhập lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư	2.267.338	4.080.930	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

22. Quản lý rủi ro tài chính

Phần thuyết minh này trình bày chi tiết về mức độ rủi ro tài chính của Công ty và các phương pháp được Ban Giám đốc sử dụng để quản lý các rủi ro này. Rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Công ty gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng. Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản thế chấp. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng độ tin cậy của khách hàng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

		30/6/2012	31/12/2011
		VND'000	VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	361.411.551	119.861.111
Phải thu	(iii)	129.234.717	126.009.386
Tài sản ngắn hạn khác		47.768	65.766
Tài sản dài hạn khác		648.002	648.002
		491.342.038	246.584.265

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Không có khoản phải thu nào tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 quá hạn (31/12/2011: không).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Kỳ hạn hợp đồng của các khoản nợ tài chính phi phái sinh như sau:

	Giá trị ghi số	Dòng tiền theo hợp đồng	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Ngày 30 tháng 6 năm 2012					
Phải trả nhà cung cấp	1.348	1.348	1.348	-	1.348
Ứng trước từ khách hàng	837.262	837.262	837.262	-	837.262
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	158.186.789	158.186.789	158.186.789	-	158.186.789
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.895.463	1.895.463	1.895.463	-	1.895.463
	160.920.862	160.920.862	160.920.862	-	160.920.862

	Giá trị ghi số	Dòng tiền theo hợp đồng	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Phải trả nhà cung cấp	1.348	1.348	1.348	-	1.348
Ứng trước từ khách hàng	666.117	666.117	666.117	-	666.117
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	395.950	395.950	395.950	-	395.950
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.706	36.706	36.706	-	36.706
	1.100.121	1.100.121	1.100.121	-	1.100.121

(c) Rủi ro thị trường**(i) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011, rủi ro tiền tệ của Công ty là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, khả năng Công ty đối mặt với rủi ro thị trường do sự thay đổi trong lãi suất thị trường thấp vì tất cả các khoản mục tài sản và nợ có phát sinh lãi đều là khoản mục ngắn hạn.

Chi tiết lãi suất của các công cụ tài chính có phát sinh lãi của Công ty như sau:

	30/6/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000
Công cụ có lãi suất cố định		
<i>Tài sản tài chính – lãi suất cố định</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền và các khoản tương đương tiền	361.411.551	119.861.111
Tài sản dài hạn khác		
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán	139.213	139.213
	361.550.764	120.000.324
<i>Phải trả tài chính – lãi suất cố định</i>		
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
Tiền gửi hoạt động thanh toán chứng khoán của nhà đầu tư	158.186.789	395.950

Công ty không phân tích biến động của lãi suất tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 vì các công cụ tài chính có phát sinh lãi đều có lãi suất cố định.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 105.763 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 76.218 triệu đồng). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 20% tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong kỳ/năm của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng 15.864 triệu đồng (31/12/2011: 11.433 triệu đồng).

23. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân của 15 phút giao dịch cuối ngày tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ báo cáo.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày báo cáo do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	361.441.667	361.441.667	2.456.035	2.456.035
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	101.530.004	105.763.414	76.218.076	76.218.076
Các khoản phải thu	129.234.717	*	126.009.386	*
Tài sản ngắn hạn khác	365.514	*	251.592	*
Tài sản tài chính dài hạn khác	863.517	*	932.547	*
	593.435.419		205.867.636	
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người cung cấp	(1.348)	*	(1.348)	*
Ứng trước từ khách hàng	(837.262)	*	(666.117)	*
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	(158.186.789)	*	(395.950)	*
Phải trả khác	(1.895.463)	*	(36.706)	*
	160.920.862		1.100.121	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

- * Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

24. Các yếu tố mang tính thời vụ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ các khoản mục sau:

(a) Tiền thưởng của nhân viên

Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng cuối năm cho nhân viên vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính được một cách đáng tin cậy vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

(b) Thuế

Theo luật thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào thời điểm cuối năm. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 25% đối với thu nhập trước thuế của kỳ kết thúc giữa niên độ.

(c) Quỹ dự trữ pháp định

Công ty phải trích lập các quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Trong giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, không có khoản dự phòng nào được trích lập vào các quỹ dự trữ pháp định này vì Công ty sẽ trích lập dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012.

(d) Phân phối lợi nhuận

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế.

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

05 -09- 2012